

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng N; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc T; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị N có mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2022, bản tự khai ngày 29/7/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc T kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, về nhà la mắng vợ; gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh Phạm Ngọc T có 01 con chung là Phạm Ngọc Gia B, sinh ngày 08/11/2016. Hiện nay con chung đang sống cùng với anh T nên khi ly hôn, chị yêu cầu giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Phạm Ngọc T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc, hòa giải và không tham gia phiên tòa.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N; về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng N được ly hôn anh Phạm Ngọc T; về con chung: Giao con chung Phạm Ngọc Gia B, sinh ngày 08/11/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đồng; về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị Hồng N khởi kiện anh Phạm Ngọc T, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh T. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Lê Thị Hồng N khởi kiện thì bị đơn anh Phạm Ngọc T đang cư trú tại thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Hồng N và anh Phạm Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 16/01/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Phạm Ngọc T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Hồng N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần phân tích, động viên chị Lê Thị Hồng N đoàn tụ với anh T, nhưng chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, la mắng chị; chị và anh T đã sống ly thân thời gian dài và hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Phạm Ngọc T, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, anh T biết chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh nhưng không có ý kiến phản đối, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, có thể xác định anh Phạm Ngọc T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Từ những nhận định như trên, có cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị Lê Thị Hồng N và anh Phạm Ngọc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Lê Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Phạm Ngọc T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định chị Lê Thị Hồng N và anh Phạm Ngọc T có 01 con chung là Phạm Ngọc Gia B, sinh ngày 08/11/2016. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu giao con chung Phạm Ngọc Gia B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu về nuôi con của chị Lê Thị Hồng N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nên biết rằng chị N yêu cầu giao con chung Phạm Ngọc Gia B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục nhưng anh T cũng không có ý kiến phản đối. Theo trình bày của chị Lê Thị Hồng N và xác nhận của Trưởng thôn X, xã Đức Nhuận thì hiện nay con chung của chị N và anh T là cháu Phạm Ngọc Gia B đang sống cùng với anh T, do anh T trực tiếp chăm sóc. Do đó, để ổn định cuộc sống, cũng như để đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt cho con chung của chị N và anh T, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N, giao cháu Phạm Ngọc Gia B, sinh ngày 08/11/2016 cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, biết chị N yêu cầu giao con chung cho anh nuôi và chị N không cấp dưỡng cho con nhưng anh T không có ý kiến phản đối, cũng

không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Tại phiên tòa, chị N cũng không tự nguyện cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Hồng N trình bày không có, anh Phạm Ngọc T không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị N phải chịu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa đề nghị buộc chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đồng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; các ý kiến khác của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng N được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng N và anh Phạm Ngọc T có 01 con chung là Phạm Ngọc Gia B, sinh ngày 08/11/2016. Giao con chung Phạm Ngọc Gia B cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Phạm Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Hồng N trình bày không có, anh Phạm Ngọc T không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002386 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Phạm Ngọc T không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong